

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 166/QĐ-CĐPD ngày 10 tháng 8 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng)

<b>Tên ngành:</b>	<b>Dược</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>6720201</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Cao đẳng</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	<b>Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương</b>

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Sau khi tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Dược, có năng lực đáp ứng yêu cầu tại các vị trí công việc của ngành, bao gồm: Trực tiếp mở quầy thuốc để bán lẻ, Tham gia trong các quy trình sản xuất thuốc, kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc. Thực hiện công tác bảo quản, tồn trữ thuốc tại các kho dược. Kinh doanh thuốc tại các doanh nghiệp dược. Thực hiện công tác dược tại các cơ sở y tế, cơ quan quản lý dược hoặc học liên thông lên bậc đào tạo cao hơn theo quy định.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 1.2.1 Kiến thức:

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh-ký sinh trùng, sinh học - di truyền, giải phẫu-sinh lý, bệnh học, hóa học, thực vật vào chuyên môn dược.
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của ngành dược trong hệ thống ngành y tế Việt Nam.
- Biết vận dụng các nội dung cơ bản của Luật Dược, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các hoạt động về dược.

- Trình bày được các đặc điểm về dược động học, dược lực học, tác dụng không mong muốn, các tương tác tác thuốc thường gặp, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm y tế đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu Việt Nam.
- Biết hướng dẫn sử dụng thuốc bảo đảm an toàn, hợp lý và hiệu quả trong điều trị một số bệnh thông thường; phân tích được chế độ sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt.
- Mô tả được các quy trình sản xuất một số dạng thuốc ( thuốc viên, thuốc bột, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, thuốc dùng ngoài...).
- Nắm được các quy định trong lấy mẫu, lưu mẫu, hủy mẫu trong kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc.
- Nắm được các tiêu chuẩn thực hành tốt ( GMP, GDP, GPP, GSP, GLP), tổ chức bảo quản và tồn trữ thuốc theo đúng chế độ quy định.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa xã hội, pháp luật, quốc phòng- an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2 Kỹ năng:**

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm y tế, 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trong Danh mục thuốc thiết yếu Việt Nam bảo đảm an toàn, hợp lý và hiệu quả.
- Biết chẩn đoán và tư vấn dùng thuốc để điều trị một số bệnh thông thường.
- Biết cách thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR)
- Biết pha các dung dịch chuẩn, lấy mẫu, lưu mẫu, hủy mẫu trong kiểm nghiệm thuốc.
- Biết pha chế, giám sát pha chế một số dạng thuốc.
- Biết lập chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc, lập kế hoạch tham gia đấu thầu cung ứng thuốc.
- Biết tổ chức tồn trữ, bảo quản thuốc theo đúng chế độ ghi trên nhãn thuốc
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc, về hướng dẫn sử dụng thuốc cho người

bệnh trong quá trình tư vấn điều trị;

- Chịu trách nhiệm trong quá trình kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình thao tác chuẩn trong thực hành nghề nghiệp, bảo đảm an toàn lao động. Thực hiện bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết các công việc, các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chấp hành các quy định của pháp luật, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành

- Hướng dẫn, giám sát cấp dưới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, luôn tích cực học tập để nâng cao trình độ.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí công việc của ngành, bao gồm:

- Trực tiếp mở quầy thuốc để bán lẻ.

- Tham gia trong các quy trình sản xuất thuốc, kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc.

- Thực hiện công tác bảo quản, tồn trữ thuốc tại các kho dược.

- Kinh doanh thuốc tại các doanh nghiệp dược.

- Thực hiện công tác dược tại các cơ sở y tế, cơ quan quản lý dược.

- Được học liên thông lên bậc đào tạo cao hơn theo quy định.

### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 35

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 tín chỉ

- Khối lượng các môn học, mô đun chung (đại cương): 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2115 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 962 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1478 giờ, kiểm tra: 110 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MHHT
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH/BT	

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			MHHT	
			Tổng số	Trong đó			
				LT	TH/BT		KT
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>172</b>	<b>240</b>	<b>23</b>	
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2	MH01
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4	
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2	
MH 06	Anh văn 1	3	60	29	28	3	
MH 07	Anh văn 2	3	60	28	29	3	MH 06
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>79</b>	<b>2115</b>	<b>790</b>	<b>1238</b>	<b>87</b>	
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>345</b>	<b>217</b>	<b>108</b>	<b>20</b>	
MH 8	VS- ký sinh trùng	2	30	28	0	2	
MH 9	Giải phẫu – sinh lý	3	60	30	27	3	
MH 10	Hóa hữu cơ	3	60	30	27	3	
MH 11	Hóa phân tích	3	60	30	27	3	
MH 12	Hóa sinh	2	30	28	0	2	MH10
MH 13	Sinh học và di truyền	2	30	28	0	2	MH08
MH 14	Bệnh học	2	30	28	0	2	MH09
MH33	Cấp cứu ban đầu	2	45	15	27	3	
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>37</b>	<b>900</b>	<b>376</b>	<b>480</b>	<b>44</b>	
MH 15	Thực vật	3	60	28	30	2	
MH 16	Kiểm nghiệm	3	60	28	30	2	MH11
MH 17	Bào chế	4	90	45	40	5	MH18
MH 18	Hóa dược	4	90	45	40	5	MH10
MH 19	Dược liệu	4	90	45	40	5	MH15

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MHHT
			Tổng số	Trong đó			
				LT	TH/BT	KT	
MH 20	Dược lý	4	90	45	40	5	MH18
MH 21	Quản lý tồn trữ thuốc	2	30	28	0	2	MH18
MH 22	Pháp chế dược	3	45	42	0	3	
MH 23	Dược lâm sàng	3	60	30	27	3	MH20
MH 24	Dược học cổ truyền	3	60	30	28	2	MH19
MH 33	Thực hành Dược khoa	1	45	0	40	5	
MH 34	Thực tập nghề nghiệp	3	180	10	165	5	
<b>II.3</b>	<b>Môn học, mô đun bổ trợ</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>132</b>	<b>8</b>	<b>10</b>	
MH 25	Kinh tế dược	2	30	28	0	2	
MH 26	Marketing dược	2	30	28	0	2	
MH 27	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2	
MH 28	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	2	30	28	0	2	MH 7
MH 29	Anh văn chuyên ngành	2	30	20	8	2	
<b>II.3</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và Đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa</b>	<b>8</b>	<b>630</b>	<b>15</b>	<b>605</b>	<b>10</b>	
MH 30	Thực tập tốt nghiệp	5	450	0	445	5	
MH 31	Đánh giá kỹ năng thực hành tổng hợp cuối khóa	3	180	15	160	5	
<b>II.4</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>5</b>	<b>90</b>	<b>50</b>	<b>37</b>	<b>3</b>	
MH 50	Anh văn tăng cường	3	60	22	37	1	
MH 32	Kỹ năng mềm	2	30	28	0	2	
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>2550</b>	<b>962</b>	<b>1478</b>	<b>110</b>	